CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI CONSTRUCTION INVESTMENT DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HA NOI CONSTRUCTION INVESTMENT

2. Mã số doanh nghiệp: 0110131615

3. Ngày thành lập: 27/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7 ngõ 97 phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0327768888* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330(Chính)*
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
6.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	*4541*
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	*4543*
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	*4610*
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	*4649*
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	*4659*
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, quặng uranium và thorium)	*4662*

16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ các loại hàng hóa Nhà nước cấm)	*4669*
18.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	*0145*
19.	Chăn nuôi gia cầm	*0146*
20.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	*0210*
21.	Khai thác gỗ	*0220*
22.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	*0231*
23.	Khai thác và thu gom than cứng	*0510*
24.	Khai thác và thu gom than non	*0520*
25.	Khai thác quặng sắt	*0710*
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	*8299*
27.	Lập trình máy vi tính	*6201*
28.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
29.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
30.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, tài chính, tín dụng, chứng khoán, các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng)	*6619*
31.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)	*7020*
32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: lập thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng; tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kiến trúc cảnh quan; Thiết kế nội thất;	*7110*
33.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	*7120*
34.	Quảng cáo (Trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	*7310*
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	*7410*
36.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
37.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại hàng hóa Nhà nước cấm)	*4690*

38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
39.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
40.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
41.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
42.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
43.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
44.	In ấn	*1811*
45.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	*1812*
46.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	*2022*
47.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
48.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	*2395*
49.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	*2396*
50.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
51.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
52.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
53.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
54.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
55.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	*4931*
56.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	*4932*
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	*4933*
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kho ngoại quan)	*5210*
59.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
61.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
62.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
63.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
64.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
65.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
66.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
67.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
68.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*

69.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
70.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	*3530*
71.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
72.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
73.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
74.	Xây dựng công trình điện	*4221*
75.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
76.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
77.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
78.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
79.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
80.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
81.	Phá dỡ (Trừ dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	*4311*
82.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	*4312*
83.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
84.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
85.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
86.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
87.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Thôn Nẽ Châu, Xã Hòa Bình, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	25,000	034201001678	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	25,000		
2	TRẦN VĂN LỰC	Thôn Nẽ Châu, Xã Hòa Bình, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	25,000	034075001473	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	25,000		

3	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Số nhà 7/37, ngõ 167 Phố Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	50,000	001075033295	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN QUỐC KHÁNH Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *16/05/1975* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001075033295*

Ngày cấp: *08/05/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 7/37, ngõ 167 Phố Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 7/37, ngõ 167 Phố Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội